

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2017/KDTM-ST

Ngày: 16/5/2017

“V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Văn Việt;
2. Ông Nguyễn Văn Ghên;

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Quý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Đức Hòa mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 50/2016/TLST-KDTM ngày 22 tháng 12 năm 2016 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2017/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 4 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị L, sinh năm 1963.

Địa chỉ: đường L, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị L: Bà Nguyễn Ngọc Diễm H, sinh năm 1965. Hộ khẩu thường trú: đường P, phường L, quận M, thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: đường K, phường B, quận V, thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền số 35875 ngày 03/10/2016)

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y. (gọi tắt là Công ty Y)

Người đại diện theo pháp luật: Ông M - Chức vụ: Giám đốc. Quốc tịch: Ấn Độ.

Địa chỉ trụ sở: Ô V, khu B, thị trấn C, huyện D, tỉnh Long An. Địa chỉ Văn phòng đại diện: Số 38E, Đường S, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Người đại diện nguyên đơn có mặt, người đại diện Công ty Y vắng mặt, đã tổng đạt hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2016 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Ngọc Diễm H đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2014 đến tháng 10 năm 2015, bà Dương Thị L có thỏa thuận bán lá Bời Lời (làm chất phụ gia sản xuất Nhang) với Công ty Y. Sau khi thỏa thuận mua bán tại huyện D, tỉnh Long An, bà L cung cấp lá Bời Lời cho Công ty Y tại Bình Phước theo đúng số lượng và chất lượng đã thỏa thuận và tiến hành thanh toán tiền trực tiếp ngay khi nhận hàng. Vì Công ty Y là khách hàng thân quen nên trong năm 2015 bà L cho Công ty Y thiếu nợ nhiều lần. Tính đến ngày 15/10/2015, bà L và Công ty Y lập Bảng đối chiếu công nợ, Công ty Y thừa nhận còn nợ số tiền là 1.572.256.200đồng nhưng đã không thanh toán tiền cho bà L như đã cam kết.

Đến ngày 09/6/2016, Công ty Y có trả số tiền 207.383.750đồng cho bà L, còn nợ 1.364.872.450đồng. Sau đó, từ ngày 19/11/2016 đến ngày 22/4/2017, Công ty Y tiếp tục trả cho bà L 05 lần được số tiền 212.000.000đồng, đến nay còn nợ bà L số tiền 1.152.872.450đồng chưa trả.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu Công ty Y có nghĩa vụ trả một lần số tiền còn nợ là 1.152.872.450đồng và yêu cầu tính lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố từ ngày 15/10/2015 trên số nợ gốc chưa trả đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/5/2017). Số tiền lãi được tính trên nợ gốc có khấu trừ theo từng thời gian 05 lần trả nợ cho bị đơn, tổng tiền lãi là 191.183.019đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi mà Công ty Y phải trả cho bà L là 1.344.055.469đồng.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y do ông M đại diện trình bày trong bản tự khai ngày 03/4/2017 như sau: Ông M thừa nhận từ năm 2014 đến năm 2015, giữa Công ty Y và bà Dương Thị L có thỏa thuận mua bán lá Bời Lời. Bà L đã cung cấp lá Bời Lời cho Công ty Y đúng chất lượng. Tính đến ngày 22/4/2017, Công ty Y còn nợ bà L số tiền gốc là 1.152.872.450đồng. Nay Công ty Y đồng ý trả số tiền trên cho bà L nhưng vì Công ty Y đang gặp khó khăn về tài chính nên xin trả dần số tiền nợ gốc chia ra nhiều đợt và đồng ý trả lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định đối với số tiền chậm thanh toán.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Dương Thị L xin thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện. Từ yêu cầu Công ty Y trả 1.277.872.550đồng nay chỉ yêu cầu trả 1.152.872.450đồng; không cung cấp thêm chứng cứ, không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn Công ty Y đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, có ý kiến trình bày nhưng vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa có ý kiến: trong quá trình thụ lý, trong thời gian chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, người tiến hành tố tụng và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của

Bộ luật Tổ tụng dân sự, quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được đảm bảo.

Quan điểm của kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án theo qui định tại Điều 262 BLTTDS năm 2015: Bị đơn Công ty Y thống nhất còn nợ nguyên đơn bà Dương Thị L số tiền nợ gốc và đồng ý trả lãi nhưng không thống nhất cách thanh toán. Đề nghị HĐXX tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 05/12/2016 và tại phiên tòa, bà Dương Thị L căn cứ vào thỏa thuận mua bán lá Bời Lời và bản đối chiếu công nợ ngày 15/10/2015 với Công ty Y để yêu cầu Tòa án nơi bị đơn đặt trụ sở chính giải quyết. Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý và xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”, việc thụ lý vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện, đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 317, 319 Luật thương mại năm 2005; các Điều 26, Điều 35 BLTTDS năm 2015.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Ngọc Diễm H đại diện cho nguyên đơn xin thay đổi một phần nội dung yêu cầu trong đơn khởi kiện, từ yêu cầu Công ty Y trả số tiền 1.277.872.550đồng. Do sau khi Tòa án thụ lý, bị đơn có thanh toán cho bà L một số tiền, nay nguyên đơn chỉ yêu cầu Công ty Y trả số tiền nợ gốc 1.152.872.450đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn cho rằng: từ năm 2014 đến năm 2015, bà L có thỏa thuận mua bán lá Bời Lời với Công ty Y, bà L đã giao lá Bời Lời cho Công ty Y đúng, đủ chất lượng theo thỏa thuận nhưng Công ty Y dấy đưa việc thanh toán nợ. Hai bên có đối chiếu công nợ, tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 15/10/2015 là 1.572.256.200đồng. Công ty Y tiếp tục trả nợ nhiều đợt cho bà L, tính đến ngày 22/4/2017 còn nợ 1.152.872.450đồng. Nay bà L yêu cầu Công ty Y trả một lần số tiền 1.152.872.450đồng cùng lãi suất.

Xem xét ý kiến trình bày ông M tại bản tự khai ngày 03/4/2017: ông M thừa nhận từ năm 2014 đến năm 2015, giữa Công ty Y và bà L có thỏa thuận mua bán lá Bời Lời, thừa nhận hiện Công ty Y còn nợ tiền mua lá bời lời của Liễu với số tiền 1.277.872.550đồng nhưng Công ty Y đang gặp khó khăn về tài chính nên xin trả dần số tiền gốc nhiều đợt và đồng ý trả lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Dương Thị L khởi kiện có cung cấp bảng kê công nợ và bản đối chiếu công nợ đề ngày 15/10/2015, các chứng cứ này được ông M ký, thừa nhận và cũng thống nhất còn nợ bà L số tiền gốc mua lá Bời Lời là

1.277.872.550đồng, nên có căn cứ xác định các bên có giao dịch mua bán hàng hóa hợp pháp theo Điều 24 Luật Thương mại năm 2005. Từ đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định Công ty Y có mua bán lá Bời Lời và còn nợ bà Dương Thị L tiền gốc là 1.277.872.550đồng, trong quá trình Tòa án thụ lý, ông M có trả cho bà L được 125.000.100đồng, nợ gốc còn 1.152.872.450đồng chưa thanh toán. Xét ý kiến của ông M thừa nhận nợ và đồng ý trả nợ cho bà L nhưng cho rằng đang gặp khó khăn nên xin trả nợ chia ra nhiều đợt, ý kiến này của bị đơn không được người đại diện của nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét. Từ đó, xét bà Dương Thị L khởi kiện yêu cầu Công ty Y trả một lần số tiền nợ gốc 1.152.872.450đồng là có cơ sở chấp nhận theo qui định tại các Điều 280, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 50 Luật Thương mại năm 2005.

[3]. Về lãi suất: Xét yêu cầu tính lãi của bà Dương Thị L:

Bà Dương Thị L yêu cầu Công ty Y thanh toán tiền lãi trên nợ gốc từ ngày 15/10/2015 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 16/5/2017, áp dụng một mức lãi suất cơ bản là 0,75%/tháng (09%/năm). Hội đồng xét xử xét: theo qui định tại Điều 306 luật Thương mại năm 2005 thì tiền lãi trên số tiền chậm trả được tính theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán là 150% của lãi suất cơ bản. Tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/02/2011 đến nay (áp dụng ổn định lãi suất 09%/năm). Do đó, nguyên đơn tự nguyện yêu cầu áp dụng một mức lãi suất cơ bản chậm thực hiện nghĩa vụ là 0.75%/tháng theo qui định Điều 357 BLDS 2015 là thấp hơn mức lãi suất qui định tại Điều 306 luật Thương mại năm 2005, là có lợi cho bị đơn và không trái pháp luật nên HĐXX chấp nhận. Tiền lãi được tính như sau:

- Tiền lãi của tiền nợ gốc 1.572.256.200đồng (kể từ ngày 15/10/2015 cho đến ngày 08/6/2016 là 07 tháng 08 ngày). Tiền lãi ($1.572.256.200\text{đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 07\text{ tháng } 08\text{ ngày}$) là 85.687.959đồng.

- Tiền lãi của tiền nợ gốc 1.364.872.450 đồng (kể từ ngày 10/6/2015 cho đến ngày 18/11/2016 là 05 tháng 08 ngày). Tiền lãi ($1.364.872.450\text{đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 05\text{ tháng } 08\text{ ngày}$) là 53.912.459đồng.

- Tiền lãi của tiền nợ gốc 1.277.872.450 đồng (kể từ ngày 20/11/2016 cho đến ngày 28/11/2016 là 08 ngày). Tiền lãi là 2.555.744đồng.

- Tiền lãi của tiền nợ gốc 1.252.872.450 đồng (kể từ ngày 30/11/2016 cho đến ngày 20/12/2016 là 20 ngày). Tiền lãi là 6.264.362 đồng.

- Tiền lãi của tiền nợ gốc 1.227.872.450đồng (kể từ ngày 22/12/2016 cho đến ngày 13/04/2017 là 03 tháng 20 ngày). Tiền lãi là 33.766.489đồng.

- Tiền lãi của tiền nợ gốc 1.187.872.450 đồng (kể từ ngày 15/4/2017 cho đến ngày 21/04/2017 là 07 ngày). Tiền lãi là 2.078.776đồng.

- Tiền lãi của tiền nợ gốc 1.152.872.450đồng (kể từ ngày 23/4/2017 cho đến ngày 16/5/2017 là 24 ngày). Tiền lãi là 6.917.232đồng.

Tổng tiền lãi là 191.183.019đồng.

Công ty Y phải trả cho bà Dương Thị L tiền nợ gốc 1.152.872.450đồng, tiền lãi là 191.183.019đồng. Do đó, cần buộc Công ty Y phải thanh toán cho bà Dương Thị L một lần tiền nợ gốc và tiền lãi 1.344.055.469đồng.

[4]. Về án phí: Tại Tòa, người đại diện Công ty Y vắng mặt nên không thỏa thuận được về mức án phí. Căn cứ vào Điều 131 Bộ luật Tố tụng dân sự và Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án buộc Công ty Y nộp tiền án phí KDTMST sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227 BLTTDS năm 2015.

Áp dụng các Điều 280, 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 24, Điều 50, Điều 317, Điều 319 Luật Thương mại năm 2005.

Áp dụng khoản 2 điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí tòa án của UBTVQH số 10/2009/PL - UBTVQH 12 ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” của bà Dương Thị L đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y.

2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y (do ông M, Giám đốc làm đại diện) có trách nhiệm thanh toán cho bà Dương Thị L số tiền nợ gốc và lãi 1.344.055.469đồng (*Một tỷ ba trăm bốn mươi bốn triệu không trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm sáu mươi chín đồng*).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền người phải thi hành án chậm thi hành phải trả thêm lãi suất theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo qui định Điều 306 luật Thương mại năm 2005.

3.Về án phí: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y phải nộp 52.321.664đồng (*Năm mươi hai triệu ba trăm hai mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi bốn đồng*) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Chi Cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa hoàn lại cho bà Dương Thị L tiền tạm ứng án phí 27.243.000đồng (*Hai mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0009650 ngày 20 tháng 12 năm 2016.

4.Về quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử tuyên án công khai, trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo. Riêng bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khắc Linh Duy